

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 20-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chu Thế C1, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị C2, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Chu Thế C1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị C2 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng gần đây có nhiều bất hòa và bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày. Từ đó vợ chồng thường hay giận dỗi nhau nên không hạnh phúc, thường xảy ra xích mích, cự cãi. Anh và chị C2 đã ly thân được 02 năm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gay gắt không thể hàn gắn được. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị C2.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Chu Nguyên C3 sinh ngày 20/4/2009 và Chu Nguyên C4 sinh ngày 07/11/2014, hiện các con đang sống chung với chị C2. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị C2 tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng từ ngày 20/8/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hồ Thị C2 trình bày:

Về hôn nhân: Thông nhất lời trình bày của anh Chu Thế C1 về việc chị và anh C1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Chị không đồng ý ly hôn do chị vẫn còn tình cảm với anh C1, chị không muốn vợ chồng ly hôn ảnh hưởng đến hai con.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Chu Nguyên C3 sinh ngày 20/4/2009 và Chu Nguyên C4 sinh ngày 07/11/2014, hiện các con đang sống chung với chị. Nếu Tòa án vẫn giải quyết ly hôn thì chị vẫn muốn nuôi hai con, không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 30/7/2020 ghi nhận ý kiến của cháu Chu Nguyên C3 thể hiện cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Chu Thế C1 về việc xin ly hôn với chị Hồ Thị C2, giao cháu Chu Nguyên C3 và Chu Nguyên C4 cho chị C2 tiếp tục nuôi dưỡng, anh C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Chu Thế C1 và chị Hồ Thị C2 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa anh C1 và chị C2 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Chu Thế C1, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh C1 yêu cầu được ly hôn với chị C2 vì vợ chồng bất đồng ý kiến, mâu thuẫn gay gắt, không thể chung sống với nhau

được nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị C2 không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy thời gian anh C1, chị C2 không còn chung sống đã lâu nhưng chị C2 không có động thái để hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn, anh C1 và chị C2 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh C1 và chị C2 đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C1 về việc xin ly hôn với chị C2.

Về nuôi con chung: Anh C1 và chị C2 có 02 người con chung tên Chu Nguyên C3 (nam) sinh ngày 20/4/2009 và Chu Nguyên C4 (nam) sinh ngày 07/11/2014 hiện do chị C2 nuôi dưỡng. Tại văn bản ngày 30/7/2020 cháu Chu Nguyên C3 thể hiện nguyện vọng tiếp tục sống cùng với chị C2. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Chu Nguyên C3 và Chu Nguyên C4 cho chị C2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị C2 không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh C1 tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh C1, nhằm tạo điều kiện cho chị C2 có điều kiện nuôi dưỡng các cháu tốt hơn, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp của con chung chưa thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C1, chị C2 thống nhất trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh C1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Chu Thế C1 xin ly hôn với chị Hồ Thị C2.

- Về nuôi con chung: Giao cháu tên Chu Nguyên C3 (nam) sinh ngày 20/4/2009 và Chu Nguyên C4 (nam) sinh ngày 07/11/2014 cho chị Hồ Thị C2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chu Thế C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Chu Thế C1 cấp dưỡng nuôi cháu Chu Nguyên C3 và cháu Chu Nguyên C4, mỗi cháu 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 20/8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Chu Thế C1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng. Anh C1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004935 ngày 29/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Anh C1 phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh C1, chị C2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã N, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý